BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Mã ngành: 7810201

(Ban hành theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/05/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội – 2026

MỤC LỤC

Contents

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường 1
2.1. Sứ mạng 1
2.2. Tầm nhìn phát triển 2
2.3. Giá trị cốt lõi 2
2.4. Triết lý giáo dục 2
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo 2
3.1. Mục tiêu chung 2
3.2. Mục tiêu cụ thể 2
4. Chuẩn đầu ra 2
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 2
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ 5
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 5
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường 6
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo 6
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 6
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam 7
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 8
7.1 Thông tin tuyển sinh 8
7.2. Điều kiện tốt nghiệp 8
8. Chiến lược giảng dạy và học tập 9
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 12
9.1. Các hình thức đánh giá 12
9.2 Điểm đánh giá học phần 14
9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 15
9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs) 21
10. Cấu trúc chương trình đào tạo 22
10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 22
10.2. Nội dung chương trình đào tạo 22
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 32

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 34
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo 58
13. Mô tả tóm tắt học phần 59
14. Hướng dẫn thực hiện 85
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo 87

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước, được xây dựng trên các giáo trình về Du lịch và Khách sạn từ các trường đại học trong nước và quốc tế.

Bên cạnh những kiến thức giáo dục đại cương, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sẽ được đào tạo chuyên sâu để có những kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực Du lịch và Khách sạn.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về "Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học". Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Quản trị khách sạn
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	Quản trị khách sạn
4	Mã số:	**7810201**
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Ngôn gữ giảng dạy	Tiếng Việt
8	Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Quản trị khách sạn
9	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
10	Website	
11	Khoa Quản lý CTĐT	
12	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	

2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên

cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

"Học tập để kiến tạo tương lai"

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị khách sạn từ 2-3 năm, người học có khả năng:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			

1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành du lịch - khách sạn trong môi trường kinh doanh hội nhập**	**3**
		PI1.1: Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI1.2: Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.**	**3**
		PI 2.1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch để đề xuất các quyết định quản lý và phát triển hoạt động du lịch.	3
3	**PLO3**	**Áp dụng các kiến thức chung về khách sạn, nhà hàng để thực hiện các hoạt động kinh doanh của khách sạn.**	**3**
		PI3.1: Áp dụng những kiến thức chung của ngành trong kinh doanh khách sạn	3
		PI3.2: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về quản trị, kinh doanh và quản lý trong kinh doanh khách sạn	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Phân tích môi trường kinh doanh, tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động lễ tân và dịch vụ khách hàng trong khách sạn.**	**4**
		PI4.1.01: Phân tích môi trường kinh doanh và hành vi khách hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	4
		PI4.2.01: Áp dụng phần mềm quản lý lễ tân (PMS, CRM) trong quản lý dịch vụ tiền sảnh.	3
		PI4.3.01: Tổ chức quy trình phục vụ khách hàng theo lễ nghi ngoại giao.	3
	PLO4.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Áp dụng kiến thức về quản trị, truyền thông và công nghệ để thiết kế và điều hành sự kiện du lịch – khách sạn.**	**4**
		PI4.1.02: Phân tích xu hướng và môi trường kinh doanh MICE & sự kiện du lịch.	4

		PI4.2.02: Thiết kế và điều phối dự án sự kiện bằng các công cụ quản trị dự án.	3
		PI4.3.02: Điều phối nguồn lực và quy trình tổ chức sự kiện.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	**Vận dụng khả năng giao tiếp, tư duy phản biện và tinh thần khởi nghiệp để lãnh đạo đội nhóm giải quyết các vấn đề phức tạp trong vận hành khách sạn và dịch vụ khách hàng.**	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, trí tuệ nhân tạo (AI) và năng lực số để giải quyết các vấn đề chuyên môn và nâng cao hiệu quả công việc.**	**3**
		PI 6.1: Vận dụng tư duy STEM và sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo ra các sản phẩm/giải pháp số hỗ trợ công việc chuyên môn..	3
		PI 6.2: Sử dụng thành thạo các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch khách sạn.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI 7.1: Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2: Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn.**	**3**
		PI8.1: Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ (lễ tân, buồng, nhà hàng...) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn.	**3**
		PI8.2: Vận dụng các quy trình quản lý tiêu chuẩn để nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn.	**3**
9	**PLO9**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ Lễ tân, nghiệp vụ Nhà hàng, nghiệp vụ Buồng trong khách sạn đạt chuẩn từ 3 sao trở lên hoặc các cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn tương đương**	**3**

		PI9.1: Tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong các khách sạn 3 sao trở lên	3
		PI9.2: Thành thạo các kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong khách sạn	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Xử lý các tình huống trong lễ tân đối ngoại liên quan đến quá trình phục vụ tại khách sạn.**	**4**
		PI10.1.01: Xây dựng các phương án phục vụ trong lễ tân đối ngoại	4
		PI10.2.01: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong lễ tân đối ngoại	3
	PLO10.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Xử lý các tình huống khi tổ chức sự kiện liên quan đến quá trình phục vụ của khách sạn.**	**4**
		PI10.1.02: Tư vấn, thiết kế các chương trình khi tổ chức sự kiện	4
		PI10.2.02: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện	3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và Khách sạn**	**3**
		PI11.1: Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2: Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1: Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2: Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn được xây dựng nhằm hướng đến kết quả là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú phục vụ du lịch và các tổ

chức kinh tế - xã hội khác trong lĩnh vực du lịch khách sạn. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- Nhân viên, quản lý, giám sát, điều hành trong các bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch như lễ tân, buồng, quản trị nhân sự, dịch vụ bổ sung, tổ chức sự kiện;
- Chuyên viên, quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Du lịch quốc gia, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hiệp hội du lịch, Hiệp hội khách sạn;
- Tham gia giảng dạy chuyên ngành khách sạn các tại các cơ sở đào tạo phù hợp;
- Tự khởi nghiệp thành lập doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế;

Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Thương Mại;
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Công thương thành phố HCM.
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của trường Đại học Anh Quốc

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề	x											

	thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.												
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2 Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	**Kỹ năng**	**Mức tự chủ và trách nhiệm**
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có

	trường không xác định hoặc thay đổi.	thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

Bảng 3 Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung TĐQG / Chuẩn đầu ra	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	x														
PLO2		x													
PLO3		x													
PLO4				x	x										
PLO5						x	x			x					
PLO6						x									
PLO7			x									x			
PLO8											x				
PLO9										x					
PLO10							x	x							
PLO11							x					x	x	x	x
PLO12												x	x	x	x

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh)

+ Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển trong đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ

thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau**:**

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch. - Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng để SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12

		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học) - Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thẻ bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	- GV đưa ra thảo luận - SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các SV ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp - GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề	
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
		Tự học (Selfstudying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học - Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm - Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng - Làm bài tập về nhà	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12

3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)	- GV hướng dẫn về nội dung các bài thực hành - SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát kết quả và phân tích kết quả	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
		Dạy học qua tình huống (Case study)	- Đưa ra tình huống thực tế tại các doanh nghiệp/cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm - SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập) - Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

	Chiến lược	Phương pháp dạy học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)												
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Tự học (Selfstudying)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Dạy học qua tình huống (Case study)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)			X	X	X	X		X	X	X	X	X
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)			X	X	X	X		X	X	X	X	X

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học.

Khoa Du lịch và khách sạn, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần…). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đồ án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh	Mô tả phương pháp đánh giá

	giá	
A	**Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)**	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	*Mô tả phương pháp*: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	*Mô tả phương pháp*: người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	*Mô tả phương pháp*: Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric
B	**Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)**	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	*Mô tả phương pháp:* Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	*Mô tả phương pháp:* Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	*Mô tả phương pháp*: Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được được đánh gia thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án (Written Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric…..
8	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hìn hảnh, biểu đồ trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric…..
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	*Mô tả phương* pháp: Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric…..

9.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính:10 điểm.
* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính:6 điểm.
* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính:4 điểm.
* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính:2 điểm.
* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính:10 điểm.
* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính:8 điểm.
* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính:6 điểm.
* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính:4 điểm.
* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính:2 điểm.
* Nghỉ học từ 50% trở lên:0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

MỘT SỐ BẢNG MẪU CÁC RUBRIC
(Điểm số tối đa 10)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (cá nhân)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm

		8.5 – 10 điểm			
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi

Rubric 3. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ

Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 4: Làm việc nhóm

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Thời gian tham gia họp nhóm	15	Chia đều cho số lần họp nhóm			
Thái độ tham gia	15	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Kết nối tốt với thành viên khác	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhỡ	Không kết nối
Ý kiến đóng góp	20	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm	20	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục	Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục
Chất lượng sản phẩm giao nộp	30	Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý	Không sử dụng được

Rubric 5: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt**	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**

		8.5 – 10 điểm	6.5 – 8.4 điểm	4.0 – 6.4 điểm	0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 6: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

Rubric 7: Đánh giá báo cáo chuyên đề SEMINAR (bài làm theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Mức chất lượng Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	10	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	10	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng
* Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

		trong khi báo cáo và trả lời	lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ		

Rubric 8. Đánh giá TIỂU LUẬN/Báo cáo thu hoạch

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 9: Đánh giá PROJECT

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Thái độ tham gia	Nêu ý tưởng	05	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng
	Lập kế hoạch thực hiện	05	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý
Quá trình thực hiện project	Giai đoạn chuẩn bị	10	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project,	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể	Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện	Không chuẩn bị được điều kiện nào

			có thể khởi động ngay	khởi động và bổ sung sau	nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	
	Giai đoạn thực hiện	10	Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp	Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa
		10	Triển khai đúng kế hoạch	Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được
	Mức độ đạt được mục tiêu thành phần	20	Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)			
Báo cáo kết quả	Nội dung báo cáo	10	Báo cáo tiến trình thực hiện Thuyết minh sản phẩm Bài học rút ra			
	Trình bày báo cáo	10	Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình			
	Sản phẩm	20	Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết			

Rubric 10: Đánh giá MINITEST NGHE HIỂU

Tiêu chí	**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Thái độ tham gia		Nghiêm túc, (100% điểm bài làm)	Có trao đổi nhưng đã điều chỉnh khi được nhắc: trừ 25 % điểm bài làm	Bị nhắc nhỡ hơn 1 lần hay bị phát hiện quay cóp: không tính điểm	
Chất lượng bài nghe	100	Theo thang điểm chi tiết cho từng nội dung (câu hỏi)			

Rubric 11: Đánh giá bài tập (khoa học tự nhiên)

Tiêu chí	**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Phương pháp giải	30	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tuỳ mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)

Kết quả	15	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tuỳ mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày bài giải	15	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 12: Đánh giá đề án

Tiêu chí đánh giá	ELO	Tỷ trọng	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
			10 - 9	8 - 7	6 – 5	4 - 0	
Hình thức báo cáo	4	10 %	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	Đẹp, rõ, còn lỗi chính tả	Rõ, còn lỗi chính tả	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	
Nội dung báo cáo	1,2,3	30%	Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng, có trích dẫn nguồn	Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu	
Kỹ năng trình bày	4	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Không rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Trả lời câu hỏi	1,2,3	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 các câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 các câu hỏi	
Tham gia thực hiện	4	30%	100% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	≈ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	≈ 60% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 7. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
A	**Đánh giá quá trình**												
1	Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
B	**Đánh giá tổng kết**												
4	Kiểm tra viết, tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x
5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x
6	Bảo vệ, thi vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	x
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án	x	x	X	X	X	X		X	X	X	X	x
8	Báo cáo thực tập			X	X	X	X		X	X	X	X	x
9	Đánh giá khóa luận/Đề án			x	x	x	x		x	x	x	x	x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC))*

a) Trong đó khóa 18:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (27,94%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (72,06%)
  - *Phần lý thuyết* *56 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án:* *33 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

b) Trong đó khóa 19:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (27,94%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (72,06%)
  - *Phần lý thuyết* *56 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án:* *33 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

c) Trong đó khóa 20:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (27,94%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (72,06%)
  - *Phần lý thuyết* *56 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án:* *33 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo khóa 18:

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP-AN)*			**38**		
		1.1. Lý luận chính trị		**11**		
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
		1.2. Khoa học xã hội		**2**		
6	000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
		1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
		Chọn 4TC trong các học phần		4		
7	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
8	001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
9	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
		1.4. Ngoại ngữ		**16**		

10	001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24,120)	x
11	001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24,120)	x
12	001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24,120)	x
13	001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24,120)	x
		1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	DL&KS	1	(15, 0, 30)	x
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
19	000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
20	000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
21	000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
22	000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
		1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
23	002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
24	002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
25	002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
26	002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế & Quản lý du lịch		**26**		
		Các học phần bắt buộc		***16***		
27	000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
28	000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
29	000493	3. Quản trị học	QTKD&MAR	2	(26, 8, 60)	x
30	000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
31	001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
32	001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
33	003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		Các học phần tự chọn:		***10***		
34	002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
35	000568	2. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
36	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
37	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
38	001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
39	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
40	000666	7.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
41	002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
		2.2. Kiến thức ngành		**72**		
		2.2.1. Kiến thức chung của ngành		**47**		
		Các học phần bắt buộc		***33***		
42	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
43	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x

44	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
45	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	DL&KS	2	(0, 60, 0)	x
46	002678	5. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	4	(30,120,90)	x
48	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
49	002680	8. Lễ tân khách sạn	DL&KS	4	(30,120,60)	x
51	003300	10. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
52	002682	11. Quản trị nhà hàng	DL&KS	4	(30,120,60)	x
54	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
55	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0,180,0)	x
		Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		***6***		
56	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
57	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
58	001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39, 12, 90)	
59	001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39, 12, 90)	
		Các học phần tự chọn *(chọn 8TC trong các học phần)*		***8***		
60	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
61	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
62	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
63	002688	4. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
64	003221	5. Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
65	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
66	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	DL&KS	3	(39,12,90)	
67	001989	8. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
68	003237	9. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
		2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 module)		**25**		
		Module 1: Lễ tân đối ngoại		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
69	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
70	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
71	003240	1. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
72	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
73	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
74	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	

75	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
76	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
77	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
78	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
79	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
		Module 2: Quản trị sự kiện		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
80	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
81	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
82	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
83	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
84	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
85	003240	4. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
86	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
87	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
88	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
89	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
90	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x

b) Chương trình đào tạo khóa 19:

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP-AN)*			**38**		
		1.1. Lý luận chính trị		**11**		
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x

4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
		1.2. Khoa học xã hội		**2**		
6	000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
		1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
		Chọn 4TC trong các học phần		4		
7	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
8	001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
9	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
		1.4. Ngoại ngữ		**16**		
10	001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24,120)	x
11	001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24, 120)	x
12	001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24, 120)	x
13	001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24, 120)	x
		1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	DL&KS	1	(15, 0, 30)	x
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
19	000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
20	000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
21	000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
22	000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
		1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
23	002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
24	002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
25	002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
26	002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế & Quản lý du lịch		**24**		
		Các học phần bắt buộc		***16***		
27	000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
28	000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
29	000493	3. Quản trị học	QTKD&MAR	2	(26, 8, 60)	x
30	000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
31	001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
32	001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
33	003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		Các học phần tự chọn:		***8***		
34	002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
35	000568	2. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
36	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	DL&KS	2	(26, 8, 60)	

37	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
38	001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
39	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
40	000666	7.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
41	002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
		2.2. Kiến thức ngành		**74**		
		2.2.1. Kiến thức chung của ngành		**49**		
		Các học phần bắt buộc		***33***		
42	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
43	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
44	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
45	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	DL&KS	2	(0, 60, 0)	x
46	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
47	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
48	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
49	003216	8. Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
50	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
51	003300	10. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
52	003235	11. Quản trị nhà hàng	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
53	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
54	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
55	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0,180,0)	x
		Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		***6***		
56	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
57	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
58	001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39, 12, 90)	
59	001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39, 12, 90)	
		Các học phần tự chọn *(chọn 10 TC trong các học phần)*		***10***		
60	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
61	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
62	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
63	002688	4. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
64	003221	5. Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
65	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
66	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	DL&KS	3	(39,12,90)	
67	001989	8. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
68	003237	9. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
		2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 module)		**25**		
		Module 1: Lễ tân đối ngoại		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
69	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x

70	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
71	003240	1. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
72	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
73	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
74	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
75	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
76	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
77	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
78	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
79	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
		Module 2: Quản trị sự kiện		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
80	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
81	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
82	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
83	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
84	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
85	003240	4. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
86	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
87	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
88	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
89	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
90	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x

c) Chương trình đào tạo khóa 20:

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP-AN)*			**38**		
		1.1. Lý luận chính trị		**11**		
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
		1.2. Khoa học xã hội		**2**		
6	000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
		1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**3**		
	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
		Chọn 2TC trong các học phần		**2**		
7	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
8	001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
9	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
		1.4. Ngoại ngữ		**16**		
10	001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24, 120)	x
11	001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24, 120)	x
12	001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24, 120)	x
13	001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24, 120)	x
		1.5. Kiến thức bổ trợ		**6**		
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	DL&KS	1	(15, 0, 30)	x
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
19	000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
20	000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
21	000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
22	000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
		1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
23	002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
24	002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
25	002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
26	002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế & Quản lý du lịch		**24**		
		Các học phần bắt buộc		***16***		
27	000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x

28	000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
29	000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
30	000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
31	001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
32	001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
33	003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		Các học phần tự chọn:		***8***		
34	002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
35	000568	2. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
36	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
37	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
38	001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
39	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
40	000666	7.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
41	002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
		2.2. Kiến thức ngành		**74**		
		2.2.1. Kiến thức chung của ngành		**49**		
		Các học phần bắt buộc		***33***		
42	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
43	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
44	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
45	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	DL&KS	2	(0, 60, 0)	x
46	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
47	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
48	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
49	003216	8. Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
50	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
51	003300	10. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
52	003235	11. Quản trị nhà hàng	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
53	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
54	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
55	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0,180,0)	x
		Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		***6***		
56	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
57	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
58	001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39, 12, 90)	
59	001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39, 12, 90)	
		Các học phần tự chọn *(chọn 10 TC trong các học phần)*		***10***		
60	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
61	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
62	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
63	002688	4. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
64	003221	5. Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
65	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x

66	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	DL&KS	3	(39,12,90)	
67	001989	8. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
68	003237	9. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
		2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 module)		**25**		
		Module 1: Lễ tân đối ngoại		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
69	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
70	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
71	003240	1. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
72	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
73	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
74	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
75	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
76	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
77	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
78	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
79	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
		Module 2: Quản trị sự kiện		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
80	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
81	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
82	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
83	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
84	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
85	003240	4. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
86	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
87	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
88	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
89	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
90	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x

Ghi chú: Các học phần dự kiến áp dụng được đánh dấu "x" ở cột Ghi chú.

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	Học phần	STC
	Kỳ 1	**16**
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Pháp luật đại cương	2
3	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
5	Giáo dục thể chất 1	1
6	Kinh tế vi mô	2
7	Nguyên lý thống kê	2
8	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1
	Quản trị học	2
	Kỳ 2	**16**
1	Tiếng Anh 1	4
2	Kinh tế vĩ mô	2
3	Phương pháp NCKH trong KT-XH	2
4	Lý thuyết hạch toán kế toán	3
5	Kinh tế du lịch	3
6	Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2
	Kỳ 3 (Học Nam Định)	**18**
1	Tiếng Anh 2	4
2	Kỹ năng nhận thức bản thân	1
3	Giáo dục thể chất 2	1
4	Giáo dục quốc phòng - HP1	3
5	Giáo dục quốc phòng - HP2	2
6	Giáo dục quốc phòng - HP3	1
7	Giáo dục quốc phòng - HP4	2
8	Tổng quan cơ sở lưu trú	2
9	*học phần tự chọn 1:*	
	1. Thương mại điện tử	2
	Kỳ 4	**20**
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
2	Tiếng Anh 3	4
3	Marketing du lịch	3
4	Lễ tân khách sạn	2
5	Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2
6	Quản trị buồng khách sạn	2
7	Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2
8	Quản trị kinh doanh khách sạn	3
	Kỳ 5	**20**
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
2	Tiếng Anh 4	4
3	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1
4	Giáo dục thể chất 3	1
5	Tin học ứng dụng trong du lịch	2
6	*Học phần tự chọn 2:*	

	Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3
7	Quản trị dịch vụ	3
8	Quản trị nhà hàng	2
9	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2
	Kỳ 6	**24**
	Đợt 1 (Học tại trường)	11
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2
3	*Học phần tự chọn 3:*	
	Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3
4	*Học phần tự chọn 4:*	
	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2
5	Pháp luật du lịch	2
	Đợt 2 (đi thực tập tại DN)	12
1	Thực tập nghiệp vụ buồng	3
2	Thực tập nghiệp vụ lễ tân	3
3	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng	3
4	Thực tập quản lý khách sạn	3
	Kỳ 7 (Module Lễ tân ngoại giao)	**18**
1	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1
2	Giáo dục thể chất 4	1
3	Diễn giảng công cộng	3
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2
6	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3
7	*Học phần tự chọn 5:*	
	Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3
8	Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	3
	Kỳ 7 (Module Quản trị sự kiện)	**18**
1	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1
2	Giáo dục thể chất 4	1
3	Tổng quan về tổ chức sự kiện	3
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	Thực hành tổ chức sự kiện	2
6	Quản lý dự án sự kiện	3
7	*Học phần tự chọn 5:*	
	Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3
8	Marketing và truyền thông sự kiện	3
	Kỳ 8	**17**
1	*Học phần tự chọn 6:*	
	Quản trị rủi ro trong du lịch	**3**
2	Thực tập cuối khóa ngành QTKS	5
3	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS	9
	Dự án thay thế khóa luận	

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)
a) Khóa 18:

Module 1- Lễ tân đối ngoại																															
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	1. Kiến thức giáo dục đại cương																														
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A									2															
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A									2														2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2									2														2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																							2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																							2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A									2														2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC												3	2												
8	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3,A								3	3														
9	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																							
10	001053	2. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A										3												3	
11	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC														2	2										
12	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC														2	2										
13	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC														3	3										
14	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC														3	3										
15	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT										3	2														
16	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1	BB	KTBT										2													3,A		
17	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT										2	3														
18	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT										2	3	2													
19	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																				2

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**	**24**																										
20	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A													3								
21	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A													3								
22	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3			3					3,A													
23	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A			3																			
24	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A																				
25	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			3					3,A												
26	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN	3																						3,A	
27	002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	2	TC	CSN				2	2								2											
28	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN	2																						2	
29	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN		2		2																				
30	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TC	CSN		3																						
31	001109	5. Tài chính - tiền tệ	3	TC	CSN			3																					
32	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3																					
33	000531	7.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3																					
34	002472	8. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3,A											3							
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**49**																										
35	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	3	BB	CCN					3,A	3																		
36	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2	BB	CCN								3,A				3,A	3											
37	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN								3					3,A											
38	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2	BB	CCN																	3,A				2	2		
39	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	2	BB	CCN																3		3,A	3					

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
40	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2	BB	CCN													3					3,A						
41	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	3	BB	CCN																3,A			3					
42	003216	8. Lễ tân khách sạn	2	BB	CCN									3	3,A										3				
43	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	BB	CCN								2										3,A						
44	003300	10.Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	3	BB	CCN																3,A			3,A					
45	003235	11. Quản trị nhà hàng	2	BB	CCN					3	3												3,A	3					
46	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2	BB	CCN																		3,A	3					
47	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	3	BB	CCN																		3	3,A					
48	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	3	BB	CCN													3,A				3		3					
49	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN														3,A	3,A									
50	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN														3,A	3,A									
51	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN														2	2									
52	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN														2	2									
53	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	2	TC	CCN							2				2													
54	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	CCN							2												2					
55	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	CCN					3,A					3,A														
56	002688	4. Hướng dẫn du lịch	2	TC	CCN																								
57	003221	5. Văn hóa du lịch	3	TC	CCN	2									2														
58	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	3	TC	CCN																	2			2				
59	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	3	TC	CCN						2																		
60	003237	8. Tổ chức và điều hành tour	2	TC	CCN																								

		Module 1- Lễ tân đối ngoại																													
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
61	001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	CCN						3,A					3,A														
II.3	**Kiến thức chuyên ngành**																													
		Module 1: Lễ tân đối ngoại	**25**																											
62	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	BB	CN								3,A											4,A						
63	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	BB	CN							4,A		3											3,A					
64	003240	1. Diễn giảng công cộng	3	TC	CN									3,A										4,A						
65	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	3	TC	CN									3,A											3,A					
66	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	TC	CN								3																	
67	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	3	TC	CN								3																	
68	002076	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	5	BB	CN							4,A																3,A	3,A	
69	002482	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	9	BB	CN							4,A					3				3,A					3,A	3,A	3,A	3,A	
70	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	9	BB	CN																									
71	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của Khách sạn	9	BB	CN																									
72	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	9	BB	CN																									

HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Module 2- Quản trị sự kiện																													
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	1. Kiến thức giáo dục đại cương																												
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A									2														
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2									2													2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																						2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																						2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC												3	2											
8	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3,A								3	3													
9	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																						
10	001053	2. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A										3											3	
11	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC														2	2									
12	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC														2	2									
13	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC														3	3									
14	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC														3	3									
15	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT										3	2													
16	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1	BB	KTBT										2												3,A		
17	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT										2	3													
18	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT										2	3	2												
19	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																			2

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																					
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II		**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**98**																										
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**	**24**																										
20	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A													3								
21	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A													3								
22	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3			3					3,A													
23	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A			3																			
24	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A																				
25	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			3					3,A												
26	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN	3																						3,A	
27	002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	2	TC	CSN				2	2								2											
28	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN	2																						2	
29	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN		2		2																				
30	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TC	CSN		3																						
31	001109	5. Tài chính - tiền tệ	3	TC	CSN			3																					
32	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3																					
33	000531	7.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3																					
34	002472	8. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3,A											3							
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**49**																										
35	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	3	BB	CCN					3,A	3																		
36	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2	BB	CCN								3,A				3,A	3											
37	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN								3					3,A											
38	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2	BB	CCN																	3,A				2	2		
39	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	2	BB	CCN																3		3,A	3					

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
40	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2	BB	CCN													3					3,A							
41	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	3	BB	CCN																3,A			3						
42	003216	8. Lễ tân khách sạn	2	BB	CCN									3	3,A										3					
43	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	BB	CCN								2										3,A							
44	003300	10.Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	3	BB	CCN																3,A			3,A						
45	003235	11. Quản trị nhà hàng	2	BB	CCN					3	3												3,A	3						
46	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2	BB	CCN																		3,A	3						
47	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	3	BB	CCN																		3	3,A						
48	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	3	BB	CCN													3,A				3		3						
49	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN														3,A	3,A										
50	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN														3,A	3,A										
51	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN														2	2										
52	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN														2	2										
53	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	2	TC	CCN							2				2														
54	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	CCN							2													2					
55	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	CCN					3,A					3,A															
56	002688	4. Hướng dẫn du lịch	2	TC	CCN																									
57	003221	5. Văn hóa du lịch	3	TC	CCN	2									2															
58	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	3	TC	CCN																	2			2					
59	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	3	TC	CCN						2																			
60	003237	8. Tổ chức và điều hành tour	2	TC	CCN																									

						Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
		Module 2- Quản trị sự kiện				**Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)**									**Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)**													**Năng lực tự chủ và**			
TT	**Mã học phần**	**Học phần**	Số TC	Loại học phần	**Khối kiến thức**	**PLO1**		**PLO2**		**PLO3**		**PLO4.2**			**PLO5**		**PLO6**		**PLO7**		**PLO8**		**PLO9**		**PLO10.2**		**PLO11**		**PLO12**			
						PI1.1	**PI1.2**	**PI2.1**	**PI2.2**	**PI3.1**	**PI3.2**	**PI4.02.1**	**PI4.02.2**	**PI4.02.3**	**PI5.1**	**PI5.2**	**PI6.1**	**PI6.2**	**PI7.1**	**PI7.2**	**PI8.1**	**PI8.2**	**PI9.1**	**PI9.2**	**PI10.02.1**	**PI10.02.2**	**PI11.1**	**PI11.2**	**PI12.1**	**PI12.2**		
61	001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	CCN						3,A					3,A															
II.3	**Kiến thức chuyên ngành**																														
		Module 2: Quản trị sự kiện	**25**																												
62	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	BB	CN							3													4,A						
63	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	2	BB	CN								3,A	3,A												3,A					
64	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	3	TC	CN							4,A	3	3												3,A					
65	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	3	TC	CN								3	3,A											4,A						
66	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	TC	CN							3																			
67	003240	4. Diễn giảng công cộng	3	TC	CN								3												3						
68	002076	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	5	BB	CN							4,A																	3,A	3,A	
69	002482	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	9	BB	CN							4,A					3					3,A					3,A	3,A	3,A	3,A	
70	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	9	BB	CN																										
71	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của Khách sạn	9	BB	CN																										
72	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	9	BB	CN																										

b) Khóa 19:

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																												
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A									2														
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2									2													2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																						2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																						2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC												3	2											
8	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3,A								3	3													
9	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																						
10	001053	2. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A										3											3	
11	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC														2	2									
12	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC														2	2									
13	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC														3	3									
14	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC														3	3									
15	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT										3	2													
16	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1	BB	KTBT										2												3,A		

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
17	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT										2	3													
18	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT										2	3	2												
19	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																			2
II		**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**98**																										
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**	**24**																										
20	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A													3								
21	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A													3								
22	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3			3					3,A													
23	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A			3																			
24	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A																				
25	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			3					3,A												
26	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN	3																						3,A	
27	002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	2	TC	CSN				2	2								2											
28	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN	2																						2	
29	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN		2		2																				
30	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TC	CSN		3																						
31	001109	5. Tài chính - tiền tệ	3	TC	CSN			3																					
32	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3																					
33	000531	7.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3																					

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
34	002472	8. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3,A										3								
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**49**																										
35	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	3	BB	CCN					3,A	3																		
36	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2	BB	CCN								3,A				3,A	3											
37	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN								3					3,A											
38	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2	BB	CCN																3,A					2	2		
39	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	2	BB	CCN																3		3,A	3					
40	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2	BB	CCN													3					3,A						
41	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	3	BB	CCN																3,A			3					
42	003216	8. Lễ tân khách sạn	2	BB	CCN									3	3,A										3				
43	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	BB	CCN								2										3,A						
44	003300	10.Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	3	BB	CCN																3,A			3,A					
45	003235	11. Quản trị nhà hàng	2	BB	CCN					3	3												3,A	3					
46	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2	BB	CCN																		3,A	3					
47	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	3	BB	CCN																		3	3,A					
48	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	3	BB	CCN													3,A				3		3					
49	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN														3,A	3,A									
50	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN														3,A	3,A									
51	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN														2	2									

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
52	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN														2	2									
53	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	2	TC	CCN							2				2													
54	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	CCN							2												2					
55	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	CCN					3,A					3,A														
56	002688	4. Hướng dẫn du lịch	2	TC	CCN																								
57	003221	5. Văn hóa du lịch	3	TC	CCN	2									2														
58	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	3	TC	CCN																2				2				
59	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	3	TC	CCN						2																		
60	003237	8. Tổ chức và điều hành tour	2	TC	CCN																								
61	001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	CCN						3,A					3,A													
II.3	**Kiến thức chuyên ngành**																												
		Module 1: Lễ tân đối ngoại	**25**																										
62	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	BB	CN								3,A											4,A					
63	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	BB	CN							4,A		3											3,A				
64	003240	1. Diễn giảng công cộng	3	TC	CN									3,A										4,A					
65	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	3	TC	CN									3,A											3,A				
66	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	TC	CN								3																
67	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	3	TC	CN								3																

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 1- Lễ tân đối ngoại

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
68	002076	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	5	BB	CN							4,A																3,A	3,A
69	002482	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	9	BB	CN							4,A					3				3,A					3,A	3,A	3,A	3,A
70	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	9	BB	CN																								
71	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của Khách sạn	9	BB	CN																								
72	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	9	BB	CN																								

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 2- Quản trị sự kiện

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)												Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																												
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A									2														
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2									2													2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																						2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																						2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC												3	2											
8	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3,A								3	3													
9	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																						
10	001053	2. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A										3											3	
11	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC														2	2									
12	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC														2	2									
13	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC														3	3									
14	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC														3	3									
15	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT										3	2													
16	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1	BB	KTBT										2												3,A		

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 2- Quản trị sự kiện

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)												Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
17	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT										2	3													
18	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT										2	3	2												
19	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																			2
II		**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**98**																										
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**	**24**																										
		Các học phần bắt buộc	**16**																										
20	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A													3								
21	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A													3								
22	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3			3					3,A													
23	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A			3																			
24	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A																				
25	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			3					3,A												
26	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN	3																						3,A	
27	002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	2	TC	CSN				2	2								2											
28	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN	2																						2	
29	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN		2		2																				
30	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TC	CSN		3																						
31	001109	5. Tài chính - tiền tệ	3	TC	CSN			3																					
32	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3																					

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 2- Quản trị sự kiện

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
33	000531	7.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3																					
34	002472	8. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3,A										3								
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**49**																										
35	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	3	BB	CCN					3,A	3			3															
36	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2	BB	CCN												3,A	3											
37	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN								3,A					3,A											
38	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2	BB	CCN																	3,A				2	2		
39	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	2	BB	CCN																3		3,A	3					
40	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2	BB	CCN													3					3,A						
41	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	3	BB	CCN																3,A			3					
42	003216	8. Lễ tân khách sạn	2	BB	CCN										3,A														
43	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	BB	CCN																		3,A						
44	003300	10.Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	3	BB	CCN																3,A			3,A					
45	003235	11. Quản trị nhà hàng	2	BB	CCN					3	3												3,A	3					
46	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2	BB	CCN																		3,A	3					
47	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	3	BB	CCN																		3	3,A					
48	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	3	BB	CCN													3,A				3		3					
49	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN														3,A	3,A	2								

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 2- Quản trị sự kiện

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																					
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
50	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN														3,A	3,A	2								
51	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN														2	2									
52	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN														2	2									
53	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	2	TC	CCN											2													
54	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	CCN								2																
55	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	CCN					3,A					3,A														
56	002688	4. Hướng dẫn du lịch	2	TC	CCN																			2	2				
57	003221	5. Văn hóa du lịch	3	TC	CCN	2																							
58	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	3	TC	CCN																	2			2				
59	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	3	TC	CCN						2		2																
60	003237	8. Tổ chức và điều hành tour	2	TC	CCN																			2	2				
61	001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	CCN						3,A					3,A													
II.3	**Kiến thức chuyên ngành**																												
		Module 2: Quản trị sự kiện	**25**																										
62	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	BB	CN							3												4,A					
63	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	2	BB	CN								3,A	3,A											3,A				
64	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	3	TC	CN							4,A	3	3											3,A				
65	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	3	TC	CN								3	3,A										4,A					

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN
Ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Module 2- Quản trị sự kiện

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)												Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
66	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	TC	CN							3																	
67	003240	4. Diễn giảng công cộng	3	TC	CN								3												3					
68	002076	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	5	BB	CN							4,A																3,A	3,A
69	002482	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	9	BB	CN							4,A					3				3,A					3,A	3,A	3,A	3,A
70	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	9	BB	CN																								
71	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của Khách sạn	9	BB	CN																								
72	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	9	BB	CN																								

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

c) Khóa 20:

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)												Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
		Module 1- Lễ tân đối ngoại																											
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																												
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A									2														
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2									2													2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																						2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																						2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A									2													2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC												3	2											
8	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3,A								3	3													
9	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																						
10	001053	2. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A										3											3	
11	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC														2	2									
12	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC														2	2									
13	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC														3	3									
14	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC														3	3									
15	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT										3	2													
16	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1	BB	KTBT										2												3,A		
17	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT										2	3													
18	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT										2	3	2												
19	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																			2
II		**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**98**																										
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**	**24**																										
20	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A													3								
21	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A													3								
22	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3			3					3,A													
23	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A			3																			
24	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A																				
25	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			3					3,A												
26	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN	3																						3,A	
27	002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	2	TC	CSN				2	2								2											
28	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN	2																						2	

		Module 1- Lễ tân đối ngoại																											
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
29	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN		2		2																				
30	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TC	CSN		3																						
31	001109	5. Tài chính - tiền tệ	3	TC	CSN			3																					
32	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3																					
33	000531	7.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3																					
34	002472	8. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3,A											3							
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**49**																										
35	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	3	BB	CCN					3,A	3																		
36	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2	BB	CCN								3,A				3,A	3											
37	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN								3					3,A											
38	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2	BB	CCN																	3,A				2	2		
39	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	2	BB	CCN																3		3,A	3					
40	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2	BB	CCN													3					3,A						
41	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	3	BB	CCN																3,A			3					
42	003216	8. Lễ tân khách sạn	2	BB	CCN									3	3,A										3				
43	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	BB	CCN								2										3,A						
44	003300	10.Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	3	BB	CCN																3,A			3,A					
45	003235	11. Quản trị nhà hàng	2	BB	CCN					3	3												3,A	3					
46	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2	BB	CCN																		3,A	3					
47	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	3	BB	CCN																		3	3,A					
48	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	3	BB	CCN													3,A				3		3					
49	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN														3,A	3,A									
50	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN														3,A	3,A									
51	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN														2	2									
52	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN														2	2									
53	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	2	TC	CCN							2				2													
54	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	CCN							2													2				
55	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	CCN					3,A					3,A														
56	002688	4. Hướng dẫn du lịch	2	TC	CCN																								
57	003221	5. Văn hóa du lịch	3	TC	CCN	2									2														

		Module 1- Lễ tân đối ngoại																													
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.1			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.1		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.01.1	PI4.01.2	PI4.01.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.01.1	PI10.01.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
58	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	3	TC	CCN																2				2				
59	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	3	TC	CCN						2																		
60	003237	8. Tổ chức và điều hành tour	2	TC	CCN																								
61	001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	CCN						3,A					3,A													
II.3	**Kiến thức chuyên ngành**																												
		Module 1: Lễ tân đối ngoại	**25**																										
62	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	BB	CN								3,A											4,A					
63	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	BB	CN							4,A		3											3,A				
64	003240	1. Diễn giảng công cộng	3	TC	CN									3,A										4,A					
65	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	3	TC	CN									3,A											3,A				
66	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	TC	CN								3																
67	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	3	TC	CN								3																
68	002076	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	5	BB	CN							4,A																3,A	3,A
69	002482	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	9	BB	CN							4,A					3				3,A					3,A	3,A	3,A	3,A
70	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	9	BB	CN																								
71	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của Khách sạn	9	BB	CN																								
72	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	9	BB	CN																								

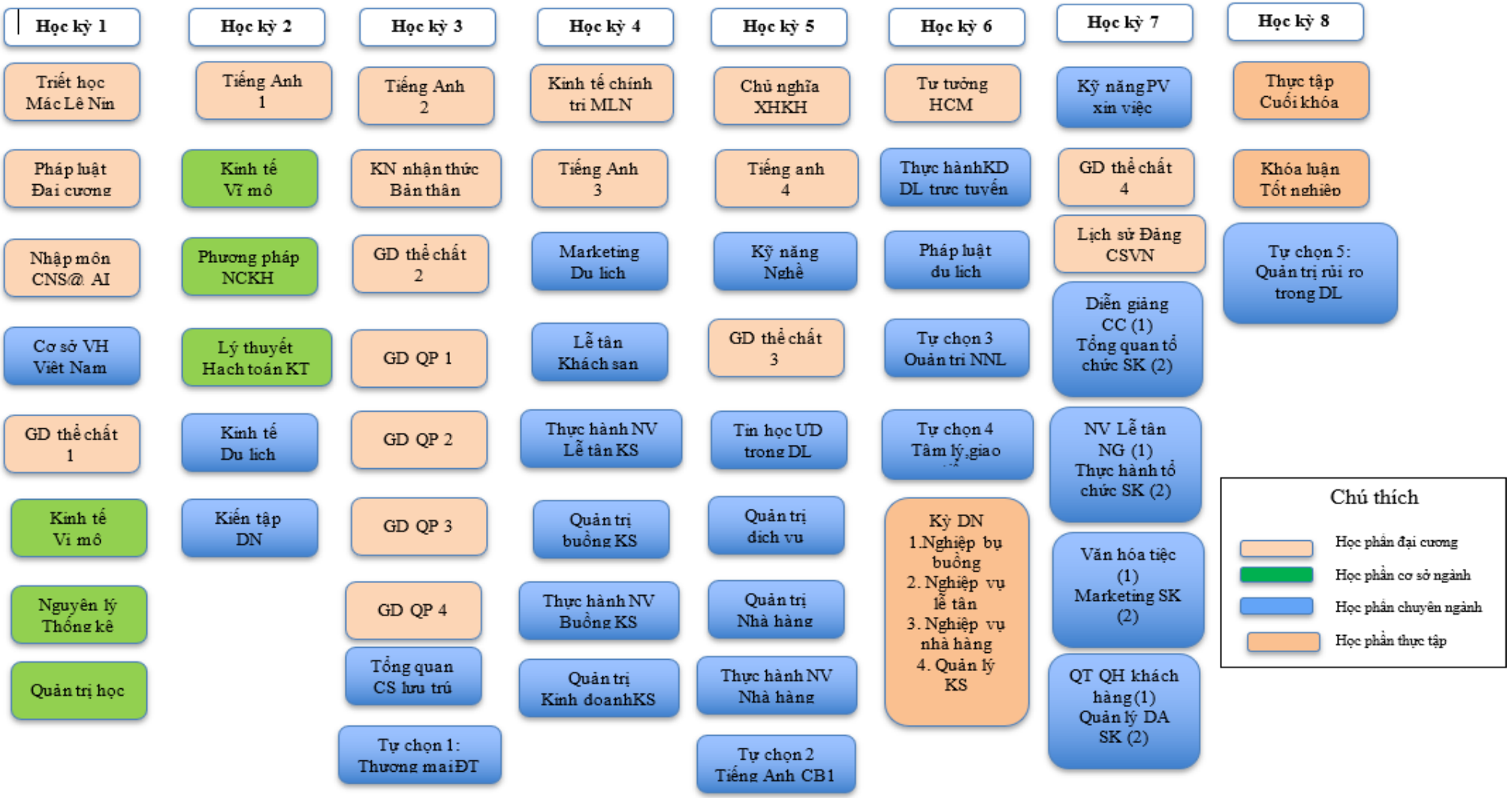
ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔN

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	AA	AB	AC	AD	AE
		Module 2- Quản trị sự kiện																												
TT	**Mã học phần**	**Học phần**	**Số TC**	**Loại học phần**	**Khối kiến thức**	**Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)**																								
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									**Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)**												**Năng lực tự chủ và**			
						PLO1		**PLO2**		**PLO3**		**PLO4.2**			**PLO5**		**PLO6**		**PLO7**		**PLO8**		**PLO9**		**PLO10.2**		**PLO11**		**PLO12**	
						PI1.1	**PI1.2**	**PI2.1**	**PI2.2**	**PI3.1**	**PI3.2**	**PI4.02.1**	**PI4.02.2**	**PI4.02.3**	**PI5.1**	**PI5.2**	**PI6.1**	**PI6.2**	**PI7.1**	**PI7.2**	**PI8.1**	**PI8.2**	**PI9.1**	**PI9.2**	**PI10.02.1**	**PI10.02.2**	**PI11.1**	**PI11.2**	**PI12.1**	**PI12.2**
I	**1. Kiến thức giáo dục đại cương**																													
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	3,A									2															
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	3,A									2														2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2									2														2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																							2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																							2	
6	000585	1. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A									2														2	
7	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC												3	2												
8	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội	2	TC	GDĐC		3,A								3	3														
9	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	2	TC	GDĐC		3																							
10	001053	2. Đại số tuyến tính	2	TC	GDĐC		2,A										3												3	
11	001942	1. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC														2	2										
12	001943	2. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC														2	2										
13	001944	3. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC														3	3										
14	001945	4. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC														3	3										
15	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT										3	2														
16	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	1	BB	KTBT										2													3,A		
17	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	KTBT										2	3														
18	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	KTBT										2	3	2													
19	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BB	KTBT	2				2																				2
II		**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**98**																											
II.1		**2.1. Kiến thức cơ sở ngành**	**24**																											
20	000564	1. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3,A													3									
21	000565	2. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3,A													3									
22	000493	3. Quản trị học	2	BB	CSN			3			3					3,A														
23	000567	4. Nguyên lý thống kê	2	BB	CSN		3,A			3																				
24	001981	5. Kinh tế du lịch	3	BB	CSN				3,A																					
25	001983	6. Marketing du lịch	3	BB	CSN				3			3					3,A													
26	003209	7. Pháp luật du lịch	2	BB	CSN	3																							3,A	
27	002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	2	TC	CSN				2	2								2												

		Module 2- Quản trị sự kiện																												
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																								
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)											Năng lực tự chủ và			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
28	000568	2. Pháp luật kinh tế	2	TC	CSN	2																						2	
29	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	2	TC	CSN		2		2																				
30	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TC	CSN		3																						
31	001109	5. Tài chính - tiền tệ	3	TC	CSN			3																					
32	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	TC	CSN			3																					
33	000531	7.Tài chính doanh nghiệp	3	TC	CSN			3																					
34	002472	8. Quản trị dịch vụ	3	TC	CSN				3,A		3,A											3							
II.2		**Kiến thức chung của ngành**	**49**																										
35	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	3	BB	CCN					3,A	3			3															
36	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	2	BB	CCN												3,A	3											
37	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	2	BB	CCN								3,A					3,A											
38	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	2	BB	CCN																	3,A				2	2		
39	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	2	BB	CCN																3		3,A	3					
40	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	2	BB	CCN													3					3,A						
41	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	3	BB	CCN																3,A			3					
42	003216	8. Lễ tân khách sạn	2	BB	CCN										3,A														
43	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	BB	CCN																		3,A						
44	003300	10.Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	3	BB	CCN																3,A			3,A					
45	003235	11. Quản trị nhà hàng	2	BB	CCN					3	3												3,A	3					
46	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	2	BB	CCN																		3,A	3					
47	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	3	BB	CCN																		3	3,A					
48	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	3	BB	CCN													3,A				3		3					
49	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3	TC	NN														3,A	3,A	2								
50	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3	TC	NN														3,A	3,A	2								
51	001545	3. Tiếng Trung 1	3	TC	NN														2	2									
52	001894	4. Tiếng Trung 2	3	TC	NN														2	2									
53	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	2	TC	CCN											2													
54	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2	TC	CCN								2																
55	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2	TC	CCN					3,A					3,A														
56	002688	4. Hướng dẫn du lịch	2	TC	CCN																				2	2			

						Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																					
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)									Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)										Năng lực tự chủ và			
TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.2			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.2		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.02.1	PI4.02.2	PI4.02.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.02.1	PI10.02.2	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
57	003221	5. Văn hóa du lịch	3	TC	CCN	2																							
58	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	3	TC	CCN																2				2				
59	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	3	TC	CCN						2		2																
60	003237	8. Tổ chức và điều hành tour	2	TC	CCN																			2	2				
61	001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3	TC	CCN						3,A					3,A													
II.3	**Kiến thức chuyên ngành**																												
		Module 2: Quản trị sự kiện	**25**																										
62	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	3	BB	CN							3												4,A					
63	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	2	BB	CN								3,A	3,A											3,A				
64	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	3	TC	CN							4,A	3	3											3,A				
65	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	3	TC	CN								3	3,A										4,A					
66	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	TC	CN							3																	
67	003240	4. Diễn giảng công cộng	3	TC	CN								3											3					
68	002076	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	5	BB	CN							4,A																3,A	3,A
69	002482	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	9	BB	CN							4,A					3				3,A					3,A	3,A	3,A	3,A
70	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	9	BB	CN																								
71	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của Khách sạn	9	BB	CN																								
72	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	9	BB	CN																								

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



13. Mô tả tóm tắt học phần

1. Triết học Mac-Lênin **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(33,24,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam…

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3. CNXH khoa học **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,60)
- *Học phần tiên quyết*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH
- *Học phần học trước*:
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những

kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

6. Pháp luật đại cương **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

8. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Toán ứng dụng cho ngành quản trị khách sạn là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành quản trị khách sạn, trường Đại học

Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế

9. Đại số tuyến tính **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Đại số tuyến tính là một trong những học phần đại cương cung cung cấp các kiến thức về toán học, kiến thức nền cho các ngành khoa học công nghệ. Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về: Ma trận, hệ phương trình, không gian vectơ, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, giá trị riêng, véc tơ riêng, chéo hóa ma trận và dạng toàn phương.

10. Phương pháp NCKH trong Kinh tế - XH **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế - xã hội" là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn. Học phần "Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội" được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế-xã hội áp dụng cho chương trình đào tạo bậc đại học. Nội dung học phần được sắp xếp theo quy trình trình nghiên cứu được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế-xã hội: từ xác định vấn đề, tổng quan và thiết kế nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện các nghiên cứu khoa học trong kinh tế-xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu.

11. Tiếng Anh 1 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng

nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

12. Tiếng Anh 2 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

13. Tiếng Anh 3 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng

nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

14. Tiếng Anh 4 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2,3
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

16. Kỹ năng nhận thức bản thân **Số TC: 1**

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*

Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để nhân thức bản thân theo hướng khách quan như viết nhật ký, viết ra những mục tiêu, kế hoạch ưu tiên của mình, thực hiện việc tự phê bình mỗi ngày, luyện tập những thói quen tốt và tránh những quan niệm tiêu cực,...

17. Kỹ năng nghề nghiệp – QTKS **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nghề nghiệp – Quản trị khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các kỹ năng nghề nghiệp cần có cho ngành Quản trị khách sạn như kỹ năng quan sát, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng ứng biến và xử lý tình huống, kỹ năng chụp ảnh và quay phim cho khách du lịch. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp bên cạnh kiến thức về chuyên ngành giúp người học có thể phát triển năng lực ở mức tối đa, đem lại sự gắn kết giữa khách hàng và doanh nghiệp một cách hiệu quả.

18. Kỹ năng phỏng vấn xin việc **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

19. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp **Số TC:1**

- *Phân bố thời gian học tập*: (15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

20. Cơ sở văn hóa Việt Nam **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Cơ sở văn hóa Việt nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành và Quản trị khách sạn. Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử môi trường xã hội. Học phần đồng thời giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

21. Giáo dục thể chất 1 **Số TC: 1**

- *Giáo dục thể chất 1 Số TC: 1 (0, 30, 30)*

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

22. Giáo dục thể chất 2 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

23. Giáo dục thể chất 3 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: Số TC: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

24. Giáo dục thể chất 4 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: Số TC: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phông cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

25. Giáo dục quốc phòng - HP1 3(37, 16, 0)

26. Giáo dục quốc phòng – HP2 2(22, 16, 0)

27. Giáo dục quốc phòng – HP3 1(7, 16, 0)

28. Giáo dục quốc phòng – HP4 2(4, 56, 0)

29. Kinh tế vi mô **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*:2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

30. Kinh tế vĩ mô **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60) Số TC: 2
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

31. Quản trị học **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

32. Nguyên lý thống kê (26,8,60) **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*:2(26, 8, 60) Số TC: 2
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, xác xuất thống kê
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Học phần trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê trong quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội.

33 Kinh tế du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3**(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về kinh tế du lịch: các khái niệm cơ bản của ngành du lịch như sản phẩm du lịch, loại hình du lịch, thị trường du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch, quản lý nhà nước trong du lịch; cùng với những xu hướng phát triển du lịch hiện nay, các điều kiện và nguồn lực phát triển du lịch, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh du lịch.

34. Marketing du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Marketing du lịch là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chung của ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành/Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về Marketing du lịch và vận dụng những kiến thức này trong lĩnh vực du lịch và khách sạn như: Môi trường marketing; Thị trường du lịch, nghiên cứu thị trường du lịch; Các chiến lược marketing trong doanh nghiệp du lịch.

35. Pháp luật du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3**(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Pháp luật đại cương
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Pháp Luật Du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối ngành kiến thức chung của ngành. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản, có hệ thống những kiến thức về pháp luật trong hoạt động du lịch như các khái niệm, quy định về các loại hình kinh doanh du lịch, quy định để chứng nhận các điểm du lịch, tuyến du lịch, địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp du lịch, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, pháp luật về ký kết hợp đồng trong các hoạt động du lịch, các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động du lịch, xử phạt hành chính trong lĩnh vực du lịch.

36. Thương mại điện tử **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thương mại điện tử trong du lịch là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/ Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về thương mại thương mại điện tử như: hạ tầng thương mại điện tử, mô hình thương mại điện tử, marketing và thanh toán điện tử…

37. Pháp luật kinh tế **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*:2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Pháp luật đại cương
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Pháp luật kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, lý luận cơ bản về pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế

38. Lịch sử văn minh thế giới **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành và ngành Quản trị khách sạn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và một số thành tựu nổi bật của các nền văn minh thời kì cổ trung đại ở phương Đông và phương Tây. Từ những kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển và sự tiến bộ của nhân loại giúp sinh viên có thái độ tích cực cầu tiến, phát huy khả năng sáng tạo, tăng cường niềm đam mê khám phá, trau dồi, tích lũy kiến thức, kĩ năng để thành công. Học phần đồng thời hỗ trợ sinh viên hình thành và rèn luyện một số kĩ năng học tập tích cực như: kĩ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kĩ năng thuyết trình trước đám đông, làm việc nhóm.

39. Tài chính tiền tệ **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90) Số TC: 3
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính. Đồng thời vận dụng các kiến thức lý thuyết về tài chính, tiền tệ, ngân hàng; bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, ngân sách Nhà nước, tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, cách tính giá trị thời gian của tiền. để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn.

40. Lý thuyết hạch toán kế toán **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

41. Tài chính doanh nghiệp **Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

42. Quản trị dịch vụ **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất

và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh dịch vụ, thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

43. Quản trị kinh doanh khách sạn **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(36,18,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*:
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị kinh doanh khách sạn là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế khái quát về kinh doanh khách sạn, cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn; cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn; quản trị hoạt động kinh doanh lưu trú và ăn uống của khách sạn. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức về Marketing trong kinh doanh khách sạn; quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn; phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.

44. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(0,90,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Kinh tế du lịch, Kinh tế vi mô, Thương mại điện tử, Quản lý điểm đến du lịch
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị Khách sạn. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản cho sinh viên về kinh doanh sản phẩm du lịch trực tuyến thông qua Internet. Đồng thời, tổ chức cho sinh viên thực hiện những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh du lịch như thiết kế web, phân tích dữ liệu nhu cầu khách du lịch trực tuyến, quảng bá tour, khách sạn trên các nền tảng trực tuyến

45. Tin học ứng dụng trong du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tin ứng dụng trong du lịch là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và Quản trị khách sạn.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tin học cần thiết để có thể khai thác thông tin du lịch và sử dụng phần mềm Excel và phần mềm chuyên ngành du lịch để trình bày các thông tin du lịch phục vụ công tác chuyên môn trong học tập và công tác sau này. Sinh viên có kỹ năng cấu hình và sử dụng phần mềm du lịch và lữ hành, thao tác thành thạo các phân hệ chính của phần mềm du lịch về lữ hành và khách sạn.

46. Kiến tập doanh nghiệp **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: **2(8,25,32)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kiến tập doanh nghiệp khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản tổng quan về ngành khách sạn; hiểu các yêu cầu cơ bản đối với công việc ngành khách sạn và nhận thức về các cơ hội nghề nghiệp trong ngành khách sạn. Người học được quan sát thực tế tại các doanh nghiệp khách sạn về các vị trí công việc trong ngành khách sạn. Trên cơ sở đó học phần cung cấp cho người học kiến thức và tư duy định hướng cho bản thân về nghề nghiệp trong quá trình học đại học cũng như phát triển nghề nghiệp sau này.

47. Quản trị buồng khách sạn **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Quản trị nhân lực trong du lịch, Quản trị kinh doanh khách sạn.
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị buồng khách sạn là học phần lý thuyết bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đảm nhiệm công việc của người quản lý, điều hành bộ phận phục vụ buồng trong khách sạn một cách hiệu quả. Học phần này còn trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về các tiêu chuẩn, quy trình phục vụ buồng. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng vào việc quản trị buồng trong một doanh nghiệp khách sạn cụ thể.

48. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực hành nghiệp vụ buồng khách sạn" là học phần thực hành thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần nhằm tăng sự thành thạo quy trình nghiệp vụ, kỹ thuật tác nghiệp và tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ của bộ phận buồng. Mặt khác, thông qua học phần này, sinh viên bước đầu hình thành các kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó phát triển khả năng phát triển ý thức làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc theo nhóm.

49. Thực tập nghiệp vụ buồng khách sạn **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(0,180,0)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Quản trị buồng khách sạn
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực tập nghiệp vụ buồng" là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Sinh viên được tham gia trực tiếp vào các hoạt động tác nghiệp phục vụ buồng tại khách sạn nhằm tăng sự thành thạo và tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ của bộ phận buồng. Mặt khác, thông qua học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội học được các kỹ năng xử lý tình huống trực tiếp với khách hàng qua những công việc hàng ngày. Sinh viên có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình phục vụ buồng; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm..

50. Lễ tân khách sạn **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lễ tân khách sạn là một trong những học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị Khách sạn. Với đặc thù của ngành, để trở thành nhà quản trị khách sạn, những kiến thức, kỹ năng tác nghiệp của Lễ tân khách sạn là cần thiết và bắt buộc phải được trang bị cho người học. Do đó, học phần này có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành năng lực quản trị đối với những nhà quản trị tác nghiệp trong kinh doanh khách sạn.

Học phần giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận và có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế trong hoạt động phục vụ trực tiếp tại bộ phận lễ tân khách sạn. Qua đó học phần trang bị cho người học những kiến thức về quy trình nghiệp vụ, các kỹ năng, tiêu chuẩn phục vụ của lễ tân khách sạn; các hoạt động tổ chức và quản lý quá trình phục vụ của bộ phận lễ tân khách sạn.

51. Thực hành Nghiệp vụ Lễ tân khách sạn **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn" là học phần thực hành thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần nhằm tăng sự thành thạo quy trình nghiệp vụ, kỹ thuật tác nghiệp và tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ của bộ phận lễ tân. Mặt khác, thông qua học phần này, sinh viên bước đầu hình thành các kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó phát triển khả năng phát triển ý thức làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc theo nhóm.

52. Thực tập nghiệp vụ Lễ tân khách sạn **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(0,180,0)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Lễ tân khách sạn
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực tập nghiệp vụ lễ tân khách sạn" là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Sinh viên được tham gia trực tiếp vào các hoạt động tác nghiệp phục vụ Lễ tân tại khách sạn nhằm tăng sự thành thạo và tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ của bộ phận Lễ tân. Mặt khác, thông qua học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội học được các kỹ năng xử lý tình huống trực tiếp với khách hàng qua những công việc hàng ngày. Sinh viên có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình phục vụ khách tại khách sạn; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

53. Quản trị nhà hàng **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Quản trị kinh daonh khách sạn

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần quản trị nhà hàng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế khái quát về kinh doanh nhà hàng, cơ sở vật chất kỹ thuật; cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của nhà hàng; tổ chức hoạt động kinh doanh của nhà. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức về Marketing trong kinh doanh nhà hàng; kiểm soát chất lượng dịch vụ của nhà hàng; phân tích kết quả doanh thu và chi phí của hoạt động kinh doanh nhà hàng. Học phần này còn trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về các tiêu chuẩn, kĩ thuật, quy trình phục vụ trong nhà hàng. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng vào việc quản trị nhà hàng cụ thể.

54. Thực hành Nghiệp vụ Nhà hàng khách sạn **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (0, 60, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực hành nghiệp vụ nhà hàng" là học phần thực hành thuộc khối kiến thức chung ngành của ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức song song với thực hành, bao gồm các tiêu chuẩn, kĩ thuật cơ bản, quy trình phục vụ trong nhà hàng. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng vào hoạt động thực tế tại nhà hàng cụ thể.

55. Thực tập nghiệp vụ Nhà hàng **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(0,180,0)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Quản trị nhà hàng

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực tập nghiệp vụ nhà hàng" là học thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn. Vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học trong chương trình đào tạo vào thực tiễn tại các nhà hàng, khách sạn dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giảng viên. Sinh viên được tham gia trực tiếp vào các hoạt động tác nghiệp phục vụ tại nhà hàng. Mặt khác, thông qua học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội học được các kỹ năng xử lý tình huống phát sinh trong quá trình trực tiếp phục vụ khách hàng. Sinh viên có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để

giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình phục vụ khách hàng tại nhà hàng; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

56. Thực tập quản lý khách sạn **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3**(0,180,0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Lễ tân khách sạn, Quản trị buồng khách sạn, Quản trị nhà hàng
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực tập quản lý khách sạn" là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Sinh viên được tham gia trực tiếp vào các hoạt động tác nghiệp phục vụ tại khách sạn nhằm tăng sự thành thạo và tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ của các bộ phận lễ tân, bộ phận buồng, bộ phận phục vụ nhà hàng. Mặt khác, thông qua học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội học được các kỹ năng xử lý tình huống trực tiếp với khách hàng qua những công việc hàng ngày. Sinh viên có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh khách sạn; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

57. Tiếng Anh du lịch căn bản 1 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Anh văn 2, Anh văn 3, Anh văn 4
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiếng Anh du lịch căn bản 1 là học phần tự chọn thuộc các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị những từ vựng cấu trúc câu căn bản trong tiếng anh được sử dụng trong ngành du lịch và lữ hành. Phát triển khả năng nhận biết ngôn ngữ, xây dựng sự tự tin về các kỹ năng cần thiết cho Sinh viên. Từ đó giúp sinh viên dần hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua tình huống thực tế phù hợp.

58. Tiếng Anh du lịch căn bản 2 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh du lịch căn bản 1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiếng Anh du lịch căn bản 2 là học phần tự chọn thuộc các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và

lữ hành. Học phần trang bị những từ vựng cấu trúc câu căn bản trong tiếng anh được sử dụng trong ngành du lịch và lữ hành. Phát triển khả năng nhận biết ngôn ngữ, xây dựng sự tự tin về các kỹ năng cần thiết cho Sinh viên. Từ đó giúp sinh viên dần hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua tình huống thực tế phù hợp.

59. Tiếng Trung 1 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Trung 1 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ dành cho người mới bắt đầu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp cơ bản từ bài 1 đến bài 10 của Giáo trình Hán ngữ tập 1 quyển thượng. Sinh viên được luyện phát âm chuẩn, được trang bị một lượng từ mới với các kiến thức ngữ pháp đơn giản, ngoài ra sinh viên biết viết từ đúng quy tắc, viết được những câu đơn giản, được luyện tập nói các đoạn hội thoại, đọc các bài đọc ngắn với các chủ đề gần gũi trong cuộc sống.

60. Tiếng Trung 2 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng Trung 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Sinh viên sẽ được rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ dành cho người mới bắt đầu cùng các tình huống giao tiếp cơ bản từ bài 11 đến bài 15 của Giáo trình Hán ngữ tập 1 quyển thượng và từ bài 16 đến bài 20 của Giáo trình Hán ngữ tập 1 quyển hạ.

Các bài học bao gồm các chủ đề xoay quanh giao tiếp hàng ngày với lượng kiến thức ngôn ngữ liên quan đến cuộc sống và công việc.

Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

61. Tổng quan cơ sở lưu trú **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*:

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tổng quan cơ sở lưu trú là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành lưu trú: đặc điểm của ngành lưu trú, các loại hình kinh doanh lưu trú, các sản phẩm lưu trú, tổ chức doanh nghiệp lưu trú và các kiến thức về quản lý nhà nước ngành lưu trú.

62. Hành vi tiêu dùng tromg du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: **2(26,8,60)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Marketing du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Hành vi tiêu dùng trong du lịch là học phần bổ trợ tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hành vi tiêu dùng trong du lịch cũng như phân tích ảnh hưởng của các nhân tố văn hóa, xã hội và cá nhân tới hành vi khách hàng và các chiến lược Marketing của doanh nghiệp, từ đó nghiên cứu cách thức ra quyết định mua của khách du lịch.

63. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: **2(26,8,60)**

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tâm lý và giao tiếp trong du lịch là một học phần bổ trợ tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp về những nội dung cơ bản và có hệ thống về tâm lý giao tiếp trong du lịch; các hiện tượng tâm lý xã hội tác động phổ biến trong du lịch; những nét đặc trưng tâm lý xã hội của khách du lịch; phương pháp giao tiếp với khách du lịch và phương pháp hướng dẫn khách du lịch. lý luận cơ bản về giao tiếp, phân tích mối quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch, giữa người tiêu dùng du lịch và cộng đồng dân cư địa phương. Tổ chức cho sinh viên thực hành các nhóm kỹ năng: xây dựng bài thuyết trình, lắng nghe, giao tiếp làm việc nhóm, đàm phán và thực chiến trong các tình huống kinh doanh khó.

64. Hướng dẫn du lịch **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26,8,60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chung của ngành, giúp trang bị các kiến thức về hoạt động hướng dẫn du lịch và nghề hướng dẫn viên du lịch. Bao gồm các vấn đề sau: Hướng dẫn du lịch và vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch; Những yêu cầu cơ bản đối với hướng dẫn viên du lịch; Những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; Kỹ năng giao tiếp và xử lí tình huống trong hướng dẫn du lịch.

65. Văn hóa du lịch **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: **2(26,8,60)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Văn hóa du lịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử…) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch. Ngoài ra học phần còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta

66. Quản trị rủi ro trong du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(39,12,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị rủi ro trong du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý khủng hoảng trong ngành du lịch – khách sạn như: bảo vệ ngành du lịch, quản lý rủi đối với các khủng hoảng và thảm họa trong ngành du lịch, chiến lược giải quyết khủng hoảng và xử lý các sự cố, tình huống khẩn cấp. Từ đó, giúp người học có thể tham gia xây dựng thực hiện và quản lý những khủng hoảng diễn ra trong ngành du lịch – khách sạn, giúp cho doanh nghiệp phòng chống, ứng phó khi có rủi ro xảy ra.

67. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: **3(36,18,90)**
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*:
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch là học phần lý thuyết thuộc khối kiến thức chung ngành du lịch trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn. Học phần sẽ cung cấp các khái niệm cơ bản của quản lý chiến lược trong du lịch. Ba giai đoạn của quá trình quản lý chiến lược bao gồm lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chiến lược sẽ được tập trung phân tích, sinh viên sẽ có khả năng phân tích các tổ chức trong nước và quốc tế với các công cụ chiến lược và kỹ thuật phù hợp. Ngoài ra, môn học này sẽ cho phép sinh viên tích hợp tất cả các kiến thức đã học từ các môn học trước, qua đó có thể đánh giá các vấn đề chiến lược lâu dài có ảnh hưởng đến các doanh nghiệp du lịch

68. Quản trị nguồn nhân lực trong DN du lịch&khách sạn Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và Quản trị khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và những kỹ năng để thực hành quản trị nguồn nhân lực. Sau khi học xong, sinh viên sẽ có kiến thức và các kỹ năng cơ bản để thực hiện các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng nhân viên mới, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực... Từ đó người học sẽ có khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực khác trong một tổ chức.

69. Tổ chức và điều hành tour Số TC:3

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tổ chức và điều hành tour là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chung của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Du lịch và Khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; thiết kế và tổ chức tour du lịch; phương pháp định giá tour du lịch; hoạt động marketing và bán tour du lịch; công tác tổ chức thực hiện và điều hành tour

du lịch nhằm giúp cho người học có khả năng phát triển kiến thức cũng như kỹ năng trong tổ chức và điều hành tour tại một công ty du lịch - lữ hành.

70. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực ngoại giao như: Khái quát về ngoại giao và lễ tân ngoại giao, nghiệp vụ lễ tân ngoại giao, ngôi thứ và nguyên tắc xác định ngôi thứ trong lễ tân ngoại giao, chỉ rõ quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và những biện pháp xử lý vi phạm miễn trừ ngoại giao. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào tổ chức thực hiện các hoạt động lễ tân ngoại giao ứng dụng trong du lịch.

71. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) **Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị quan hệ khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về chiến lược quản trị quan hệ khách hàng, quản lý cơ sở dữ liệu và các phương pháp chăm sóc khách hàng theo mô hình hiện đại. Sinh viên có khả năng phân tích dữ liệu, xây dựng và vận hành các quy trình dịch vụ khách hàng, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất và áp dụng giải pháp để giải quyết các xung đột, duy trì mối quan hệ bền vững với khách hàng, thể hiện được tính chuyên nghiệp và đạo đức trong kinh doanh.

72. Diễn giảng công cộng **Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Diễn giảng công cộng" thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Quản trị khách sạn. Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng xây dựng bài diễn giảng phù hợp đối tượng; sử dụng ngôn ngữ và hình thể trong diễn giảng; làm chủ kỹ thuật và phát triển phong thái chuyên

nghiệp khi giao tiếp với các nhóm công chúng khác nhau. Qua đó, người học tự tin thiết kế và thực hiện các bài diễn giảng trước các nhóm công chúng trong từng tình huống nghiệp vụ cụ thể.

73. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao **Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Văn hoá thưởng thức tiệc ngoại giao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn. Học phần trang bị những kiến thức về vai trò, ý nghĩa của tiệc ngoại giao trong hoạt động đối ngoại và giao tiếp liên văn hoá. Học phần tập trung làm rõ các nguyên tắc lễ nghi, nghi thức, văn hoá giao tiếp và ứng xử tại bàn tiệc ngoại giao, đồng thời phân tích đặc trưng văn hoá ẩm thực và phong cách tổ chức tiệc của một số quốc gia tiêu biểu. Thông qua việc kết hợp lý thuyết với phân tích tình huống và thực hành, sinh viên hình thành tác phong lịch thiệp, chuyên nghiệp và có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tham dự, đánh giá hoặc tổ chức các sự kiện, tiệc ngoại giao trong bối cảnh đa văn hoá

74. Tổng quan về tổ chức sự kiện **Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Tổng quan tổ chức sự kiện" là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành, cung cấp nền tảng nhập môn về lĩnh vực sự kiện và nghề tổ chức sự kiện. Học phần giúp người học nhận diện bản chất, vai trò, đặc điểm và các loại hình sự kiện; hiểu quy trình tổ chức sự kiện từ hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, huy động nguồn lực, truyền thông, điều phối vận hành đến đánh giá sau sự kiện. Đồng thời, học phần rèn luyện khả năng phân tích tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình và xây dựng kế hoạch tổng quan cho một sự kiện quy mô nhỏ hoặc vừa.

75. Quản lý dự án sự kiện **Số TC:3**

- *Phân bố thời gian học tập*: (39,12,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp kiến thức hệ thống về quy trình quản lý dự án áp dụng riêng biệt cho lĩnh vực sự kiện trong kinh doanh khách sạn. Nội dung bao gồm các giai đoạn: khởi tạo dự án, lập kế hoạch chi tiết (nhân sự, ngân sách, rủi ro), triển khai vận hành và kết thúc dự án sự kiện. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý hiện đại (như sơ đồ Gantt, WBS) và áp dụng các quy tắc lễ tân ngoại giao vào việc tổ chức các sự kiện cao cấp tại khách sạn.

76. Thực hành tổ chức sự kiện **Số TC:2**

- *Phân bố thời gian học tập*: (0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần "Thực hành tổ chức sự kiện" là học phần thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành, chú trọng năng lực thiết kế – tổ chức – vận hành sự kiện theo định hướng ứng dụng STEM. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức nền tảng về quy trình tổ chức sự kiện vào các tình huống nghề nghiệp cụ thể, từ khâu hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, xây dựng kịch bản – run sheet, phân công nhân sự, chuẩn bị hậu cần, truyền thông, điều phối hiện trường đến tổng kết sau sự kiện. Trên cơ sở thực hành cá nhân và theo nhóm, sinh viên có khả năng tham gia hỗ trợ và tổ chức các sự kiện quy mô nhỏ và trung bình theo đúng quy trình nghề nghiệp, bảo đảm hiệu quả, an toàn, tính sáng tạo và tính chuyên nghiệp.

Định hướng STEM trong học phần được hiểu là tích hợp tư duy khoa học (phân tích nhu cầu – dữ liệu), công nghệ (công cụ số, nền tảng truyền thông, thiết bị), kỹ thuật (thiết kế quy trình, không gian, vận hành) và toán học ở mức ứng dụng (timeline, ngân sách, phân bổ nguồn lực, đọc dữ liệu phản hồi) trong quá trình tổ chức sự kiện.

77. Thực tập cuối khóa **Số TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập*: **5**(0,300,0)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp du lịch hoặc khách sạn để thực tập. Sinh viên tìm hiểu sâu về hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập, phát hiện vấn đề thực tiễn và viết báo cáo thực tập tổng hợp, cụ thể những nội dung: xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, sản phẩm dịch vụ du lịch, quy mô kinh

doanh); mô tả cơ cấu tổ chức và đặc điểm của doanh nghiệp; đánh giá chung tình hình kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay; mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng tài chính, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác quản trị tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập)

78. Khóa luận tốt nghiệp **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập*: ***9(0,540,0)***
- *Học phần tiên quyết*: Đủ điều kiện theo quy chế đào taọ.
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành Quản trị Khách sạn. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

79. Dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập*: ***9(0,540,0)***
- *Học phần tiên quyết*: Đủ điều kiện theo quy chế đào taọ.
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần được thiết kế theo phương pháp Dạy học thông qua dự án (PBL). Sinh viên vận dụng tích hợp tư duy STEM (Toán ứng dụng phân tích dữ liệu, Công nghệ phần mềm quản lý, Kỹ thuật xây dựng quy trình) để giải quyết một vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp khách sạn. Sản phẩm đầu ra là một báo cáo giải pháp kỹ thuật/quản trị có tính ứng dụng cao, giúp tối ưu hóa vận hành và kinh doanh

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:
  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.

- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long